

Bản án số: **34/2018/HS-ST**

Ngày: 30/10/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thúy Phụng**

Thẩm phán: Ông **Trần Văn Đông**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Xuân Hà**

Bà **Lê Thị Hoàng Yến**

Ông **Mai Gia Cát**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Ánh Tuyết**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:
Ông **Trương Quang Thu**, Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 63/2018/TLST-HS ngày 15/10/2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Minh A, sinh ngày 09/5/1985 tại Khánh Hòa; nơi ĐKNKTT: 246/1 đường X, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; chỗ ở: 59 đường Đ, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 11/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Minh C và bà Nguyễn Thị D; có vợ là Trần Thị Thanh T (đã ly hôn); có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2016; tiền sự: Không; tiền án: Ngày 10/11/2004 bị Tòa án nhân dân thành phố N xử phạt 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Bị cáo bị bắt quả tang và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/6/2018. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư **Huỳnh Văn Th**, Công ty luật TNHH một thành viên Y, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- Người bị hại: Chị **Nguyễn Thị Ngọc B**, sinh năm 2000; trú tại: 59 Đ, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (đã chết).

- Người đại diện hợp pháp của người bị hại Nguyễn Thị Ngọc B:

1) Ông **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1971 (cha chị B), trú tại: Tổ 20 S, phường P, thành phố N, Khánh Hòa. Có mặt.

2) Bà **Hồ Thị L**, sinh năm 1971, (mẹ chị B); trú tại: Tổ 20 S, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Nguyễn Minh C**, sinh năm 1948; trú tại: 242 đường X, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Minh A và Nguyễn Thị Ngọc B sống như vợ chồng tại địa chỉ số 59 đường Đ, phường P, thành phố N và có 01 con chung là Nguyễn Minh K, sinh ngày 11/3/2016.

Tối ngày 22/6/2018, A và B có mâu thuẫn kinh cãi nhau về việc B đánh cháu K, sau đó A sử dụng ma túy còn B và cháu K đi ngủ trên nệm đặt dưới nền nhà. Đến khoảng 03 giờ 00 ngày 23/6/2018, cháu K dậy khóc, thấy vậy A gọi B dậy dỗ dành cháu K. B thức dậy mắng và đánh cháu K, rồi tiếp tục đi ngủ. Tức giận vì việc B đánh cháu K, nên A lấy 01 con dao dài 33 cm có cán màu đen để trên kệ bếp trong nhà đến chỗ B đang ngủ, A cầm dao bằng tay phải và đâm 01 nhát vào ngực trái của B, còn tay trái A bịt miệng không cho B kêu la cho đến khi B nằm bất động. Sau đó, A bế cháu K, cầm dao đi sang phòng của anh Nguyễn Quang H, là người thuê nhà của A và nói với H A vừa đâm chết B. Lúc này, A gọi điện thoại cho cha ruột của A là ông Nguyễn Minh C và nói A đã đâm chết B. Còn anh H gọi điện thoại báo cho Cảnh sát 113 và Công an phường P về việc A giết B. Đến khoảng 08h00 cùng ngày, Công an phường P đã bắt quả tang A về hành vi giết người. Tại Cơ quan điều tra, A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Tại bản kết luận giám định pháp y tử thi số 283/TT-TTPY ngày 29/6/2018 của Trung tâm Pháp Y tỉnh Khánh Hòa kết luận nguyên nhân tử vong của Nguyễn Thị Ngọc B: Suy tuần hoàn do vết thương xuyên thấu ngực gây thủng tim; hoàn toàn phù hợp với tác nhân là vật sắc nhọn; theo chiều hướng từ ngoài vào trong, từ trái qua phải, từ trước ra sau.

Tại bản kết luận giám định pháp y về AND số 3188-2018/AND ngày 25/7/2018 của Trung tâm pháp y Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

- AND của Nguyễn Minh A có hiện diện trong dấu vết trên cán con dao.
- AND nhiễm sắc thể Y của Nguyễn Minh A có hiện diện trong vết nân trên lưỡi con dao.
- AND của Nguyễn Thị Ngọc B có hiện diện trong dấu vết trên cán con dao và vết nân trên lưỡi con dao.

Riêng về việc bị cáo có dấu hiệu của hành vi “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*”, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Khánh Hòa đang tiếp tục điều tra, làm rõ và sẽ xử lý sau.

Cáo trạng số 33/CT-VKSKH-P1 ngày 20/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa truy tố bị cáo Nguyễn Minh A về tội “*Giết người*” theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015.

+ Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố và luận tội:

Bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, nên Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Minh A 17 đến 19 năm tù về tội “*Giết người*”.

+ Luật sư Huỳnh Văn Th bào chữa cho bị cáo Nguyễn Minh A trình bày: Đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo khi lượng hình: Tình tiết “tự thú”, vì sau khi phạm tội bị cáo đã gọi anh H (người thuê nhà của bị cáo) nói rõ sự việc bị cáo vừa đâm chết chị B và nhờ anh H báo với Công an; bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường cho gia đình người bị hại và được cha mẹ người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; gia đình bị cáo có công với cách mạng.

+ Ý kiến của người đại diện hợp pháp của người bị hại:

Ông Nguyễn Văn Q và bà Hồ Thị L: Không yêu cầu bị cáo bồi thường và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về làm ăn nuôi con.

+ Bị cáo trình bày: Bị cáo rất ân hận về tội lỗi của mình, xin Tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội trở về lao động, làm ăn chăm sóc con của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

[2] Về trách nhiệm hình sự:

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng; phù hợp biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thu giữ vật chứng, kết luận giám định pháp y và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, nên có cơ sở xác định:

Khoảng 03 giờ 00 ngày 23/6/2018 tại nhà của bị cáo ở số 59 đường Đ, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, sau khi sử dụng ma túy và bức tức vì thấy chị B la mắng cháu K, nên bị cáo đã có hành vi dùng dao đâm 01 nhát vào ngực trái của chị B làm chị B bị tử vong tại chỗ.

Xét thấy: Hành vi của bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội, chỉ vì bức tức về thái độ của chị B không biết giỡn con khóc mà còn đánh, mắng cháu K, nên bị cáo đã dùng dao đâm chết chị B. Theo kết luận giám định pháp y tử thi số 283/TT-TTPY ngày 29/6/2018 của Trung tâm Pháp Y tỉnh Khánh Hòa: Nguyên nhân tử vong của chị Nguyễn Thị Ngọc B là suy tuần hoàn do vết thương xuyên thấu ngực gây thủng tim; hoàn toàn phù hợp với tác nhân là vật sắc nhọn; theo chiều hướng từ ngoài vào trong, từ trái qua phải, từ trước ra sau.

Như vậy, việc bị cáo dùng hung khí nguy hiểm, bất chấp hậu quả xảy ra, tước đoạt tính mạng người khác đã đủ dấu hiệu cấu thành tội “*Giết người*”. Hành vi tước đoạt mạng sống của người khác một cách vô cớ của bị cáo là hành vi “côn đồ, hung hãn”, đây là tình tiết định khung tăng nặng được quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015. Vì vậy, Cáo trạng số 33/CT-VKSKH-P1 ngày 20/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm về hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hành vi của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội. Việc bị cáo sau khi sử dụng ma túy, có thái độ bức tức với người bị hại chỉ vì nguyên cớ rất nhỏ nhặt không đáng, mà nữ đang tâm ra tay tước đi mạng sống của người cùng chung sống với mình. Hành vi của bị cáo không những thể hiện sự coi thường pháp luật và tính mạng của người khác, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, mà còn để lại nỗi mất mát, đau thương cho gia đình người bị hại; để lại đứa con thơ không người chăm sóc, thiếu vắng tình thương và sự chăm sóc của mẹ, cha. Vì vậy, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài để cải tạo, giáo dục bị cáo; đồng thời răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa an tích, nay lại tiếp tục phạm tội nên phạm tội thuộc trường hợp “tái phạm” theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã nói cho anh H biết sự việc và nhờ anh H báo với công an về hành vi phạm tội của mình, nên áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ “người phạm tội tự thú”; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho gia đình người bị hại và được người đại diện hợp pháp của người người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; gia đình bị cáo có công với đất nước, mẹ và bà nội của bị cáo được tặng thưởng nhiều huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước, cha của bị cáo được tặng thưởng huy chương vì sự nghiệp ngành Y tế. Các tình tiết giảm nhẹ này được quy định tại điểm b, s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, nên cần áp dụng và giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo, sớm trở về hòa nhập với cộng đồng, gia đình và xã hội; đồng thời có cơ hội làm lại cuộc đời, làm ăn nuôi con.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

- Người đại diện hợp pháp của người bị hại: Ông Nguyễn Văn Q và bà Hồ Thị L không yêu cầu bị cáo bồi thường, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Minh C không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại khoản tiền mà ông đã bồi thường cho gia đình người bị hại, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, cơ quan Công an đã thu giữ:

01 con dao cán đen; 01 điện thoại Iphone (bề màn hình); 01 ống thủy; 01 đoạn ống nhựa; 02 bật lửa, 01 xilanh gắn kim tiêm, mảnh giấy bạc và cuộn giấy bạc.

Xét thấy: Quá trình điều tra Cơ quan điều tra thu giữ chiếc điện thoại Iphone (bề màn hình) nhưng không xác định rõ là thu giữ của ai.

Tại phiên tòa, bị cáo và người đại diện hợp pháp của người bị hại đều xác định chiếc điện thoại này là của người bị hại chị Nguyễn Thị Ngọc B.

Xét thấy chiếc điện thoại Iphone nói trên không phải là vật chứng của vụ án, nên trả lại cho cha mẹ của chị B là ông Nguyễn Văn Q và bà Hồ Thị L.

Tất cả các đồ vật còn lại là vật chứng của vụ án, không còn giá trị sử dụng, nên tiêu hủy.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Minh A** phạm tội “ ***Giết người*** ”;

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Minh A.

- Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Minh A 17 (mười bảy) năm** tù về tội “***Giết người***”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 23/6/2018.

2. Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên tiêu hủy: 01 con dao cán đen; 01 ống thủy; 01 đoạn ống nhựa; 02 bát lửa, 01 xilanh gắn kim tiêm, mảnh giấy bạc và cuộn giấy bạc.

Tuyên trả: 01 điện thoại Iphone (bề màn hình) cho ông Nguyễn Văn Q và bà Hồ Thị L;

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/9/2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Khánh Hòa và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ; Ấn văn; Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thúy Phụng